

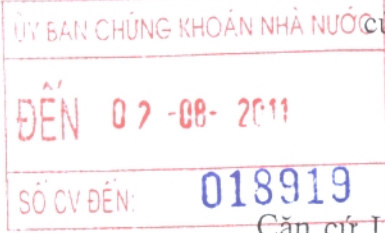


TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN
DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 562 /PVFI – HC&PC
V/v: Công bố thông tin định kỳ
của Công ty PVFI

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2011



Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Căn cứ Luật Chứng khoán và Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI)

Trụ sở chính: Số 4A Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, TP Hà Nội

Điện thoại: 04.3.5148538

Fax: 04.3.5148547

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Nguyễn Thị Hồng Mai

Địa chỉ: Số 4A Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 04.3.5148538 - ext: 221

Fax: 04.3.5148547

Thực hiện công bố thông tin định kỳ của Công ty đại chúng gồm nội dung sau:

Báo cáo thường niên năm 2010

(gửi kèm theo Báo cáo thường niên năm 2010)

Công ty PVFI cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI THỰC HIỆN
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Nguyễn Thị Hồng Mai

TỔNG GIÁM ĐỐC



Vũ Quang Hải

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT HĐQT (đề b/c);
- Lưu VT, HC&PC, NCBTT (HM02b).



TỔNG CÔNG TY TÀI CHÍNH CỔ PHẦN DẦU KHÍ VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ

Địa chỉ: Số 4A, Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại: 04. 35148538; Fax: 04. 35148547

Email: admin@pvfi.com.vn; website: www.pvfi.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2010

I. Lịch sử hoạt động của Công ty:

1. Những sự kiện quan trọng:

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (PVFI) được thành lập theo Nghị quyết số 1194/NQDKVN ngày 19/4/2007 của Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam; Giấy phép kinh doanh số 0103017707 do Sở Kế hoạch & Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi các lần cụ thể như sau:

- Đăng ký thay đổi lần 1: ngày 28 tháng 01 năm 2008
- Đăng ký thay đổi lần 2: ngày 25 tháng 07 năm 2008
- Đăng ký thay đổi lần 3: ngày 14 tháng 05 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 4: ngày 04 tháng 09 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 5: ngày 27 tháng 10 năm 2009
- Đăng ký thay đổi lần 6: ngày 01 tháng 03 năm 2010 (thay đổi số giấy phép đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế: 0102278170)
- Đăng ký thay đổi lần 7: ngày 03 tháng 06 năm 2010
- Đăng ký thay đổi lần 8: ngày 22 tháng 03 năm 2011
- Đăng ký thay đổi lần 9: ngày 25 tháng 03 năm 2011

2. Quá trình phát triển:

2.1. Ngành nghề kinh doanh:

- a. Đầu tư thực hiện việc sáp nhập Doanh nghiệp;
- b. Khai thác khoáng sản và kinh doanh các mặt hàng khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);

- c. Tư vấn đầu tư trong và ngoài nước (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, Tài chính);
- d. Tư vấn về cổ phần hóa (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật);
- e. Tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, kế toán, kiểm toán, thuế và tài chính);
- f. Tư vấn cung cấp, giải pháp thương mại điện tử và thông tin thị trường (trừ thông tin Nhà nước cấm và dịch vụ điều tra);
- g. Tư vấn và cung cấp dịch vụ quản trị doanh nghiệp;
- h. Tư vấn chiến lược truyền thông;
- i. Môi giới, xúc tiến thương mại;
- j. Dịch vụ nghiên cứu, phân tích thị trường;
- k. Dịch vụ quản lý dự án (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- l. Dịch vụ quan hệ công chúng;
- m. Quảng cáo thương mại và quảng cáo phi thương mại;
- n. Đầu tư trực tiếp, nhận ủy thác đầu tư trong nước và ngoài nước;
- o. Tư vấn mua bán, sáp nhập doanh nghiệp (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tài chính);
- p. Kinh doanh bất động sản;
- q. Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống, giải khát (không bao gồm kinh doanh quán Bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- r. Đại lý Bảo hiểm;
- s. Dịch vụ tư vấn bất động sản;
- t. Dịch vụ đấu giá bất động sản;
- u. Kinh doanh vật liệu xây dựng;
- v. Dịch vụ môi giới bất động sản;
- w. Dịch vụ định giá bất động sản;
- x. Dịch vụ sàn giao dịch bất động sản;
- y. Dịch vụ quảng cáo bất động sản;

- z. Dịch vụ quản lý bất động sản;
- aa. Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- bb. Hoạt động của các đại lý du lịch, kinh doanh tua du lịch;
- cc. Lữ hành quốc tế và nội địa.

2.2. Tình hình hoạt động:

Các chỉ số tài chính 2010 như sau:

- Tổng doanh thu đạt: 227,56 tỷ đồng
- Lợi nhuận trước thuế đạt: (42,51) tỷ đồng

Các mục tiêu chủ yếu trong năm 2011

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2011
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	300
2	Tổng doanh thu	Tỷ đồng	109,8
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	0.90
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Tỷ đồng	0.68
5	Tỷ lệ chia cổ tức	%	-

II. Báo cáo của Hội đồng quản trị công ty:

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2010:

1.1. Cơ cấu nhân sự của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị của Công ty gồm có 5 thành viên, trong đó có 03 thành viên chuyên trách và 02 thành viên kiêm nhiệm.

(Tháng 7/2010 Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT chuyên công tác, tháng 8/2010 Ông Kiều Hưng – UV HĐQT chuyên công tác. HĐQT đã tiến hành các thủ tục bầu bổ sung Ông Vũ Xuân Tiên - Chủ tịch HĐQT, Ông Vũ Quang Hải – UV HĐQT).

Cơ cấu nhân sự Hội đồng quản trị hiện tại, gồm:

Ông Đàm Minh Đức - Chủ tịch HĐQT

Ông Vũ Quang Hải - Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc

Ông Tạ Bá Long - Ủy viên HĐQT

Ông Hà Văn Dĩnh - Ủy viên HĐQT

1.2. Hoạt động của HĐQT trong năm 2010:

1.2.1 Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010:

- Tổng doanh thu đạt 227,68 tỷ đồng bằng 83,5% so với kế hoạch,
- Lợi nhuận trước thuế : - 42,5 tỷ đồng, không đạt kế hoạch (-47,4%),
- Chưa thực hiện được mục tiêu niêm yết cổ phiếu trên sàn chứng khoán tập trung,
- Không thực hiện được chỉ tiêu chia cổ tức cho các cổ đông.

1.2.2 Những hạn chế tồn tại và nguyên nhân:

- Công tác phân tích, đánh giá, dự báo thị trường và thẩm định của Công ty còn hạn chế;
- Công tác quản trị doanh nghiệp và hệ thống quản trị rủi ro còn yếu.

** Một số nguyên nhân tồn tại:*

- Thị trường chứng khoán, tài chính tiền tệ trong năm diễn biến phức tạp, bộ máy nhân sự của HĐQT có nhiều thay đổi;
- Công tác giám sát và chỉ đạo của các thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách kém hiệu quả.

2. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2011:

- Tập trung chỉ đạo quyết tâm hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh năm 2011 được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt;
- Thực hiện phương án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phát huy tính hiệu quả. Quyết tâm đổi mới chính sách nhân viên, thực hiện cơ chế phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn 2011 – 2015;
- Đẩy mạnh công tác nhận ủy thác đầu tư;
- Nghiên cứu, thực hiện đầu tư các dự án mới triển vọng, tính hiệu quả cao và ít rủi ro;

- Tổ chức chỉ đạo định hướng thường xuyên các mặt hoạt động của Công ty, giám sát và hỗ trợ tối đa Ban Tổng giám đốc để thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch được ĐHĐCĐ giao. Tranh thủ sự hỗ trợ, giúp đỡ của Tổng công ty PVFC, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đẩy mạnh hoạt động đầu tư các dự án phục vụ chính sách an sinh xã hội của Tập đoàn;
- Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, quản trị rủi ro.

III. Báo cáo của Ban Giám đốc:

1. Báo cáo tình hình tài chính:

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...)

Vốn điều lệ của Công ty khi thành lập là 300.000.000.000 VND (ba trăm tỷ đồng). Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 30.000.000 (ba mươi triệu) cổ phần với mệnh giá là 10.000 VNĐ/01 cổ phần. Trong đó:

- Cổ phần phổ thông: 30.000.000 (ba mươi triệu cổ phần)
- Cổ phần ưu đãi: Không có

2. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Trong năm 2010, mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng hoạt động SXKD của PVFI không đạt được những chỉ tiêu đề ra do những nguyên nhân chủ quan cũng như bởi chính nội tại của PVFI. Các chỉ tiêu chủ yếu của hoạt động SXKD năm 2010 như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	KH 2010	TH 2010	% TH so KH
1	Doanh thu	Tỷ đồng	272.4	227.56	83.5%
2	Lợi nhuận trước trích lập DP	Tỷ đồng		(11.26)	
3	Lợi nhuận trước thuế (sau trích lập dự phòng)	Tỷ đồng	89.4	(42.49)	
4	Lợi nhuận sau thuế 2010	Tỷ.đồng	71.4	(42.51)	

Có thể nhận thấy năm 2010, lợi nhuận ròng của PVFI là (42.51) tỷ đồng, nguyên nhân chủ yếu do hoạt động tài chính năm 2010 có mức chi phí vượt ngưỡng doanh thu, đồng thời chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm lại tăng quá mạnh. Bên cạnh đó, danh mục đầu tư dàn trải, không tập trung, kém hiệu quả dẫn đến chi phí vốn cao.

3. Những tiến bộ công ty đã đạt được:

Đối với công tác tổ chức: Thực hiện phương án tái cấu trúc tổ chức bộ máy và hoạt động cho phù hợp với tình hình thực tế, đảm bảo phát huy tính hiệu quả. Đổi mới chính sách nhân viên, thực hiện cơ chế phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính;

Đối với công tác hành chính: Sửa đổi, hoàn thiện hệ thống văn bản quản lý nội bộ (quy định, quy trình, quy chế...vv) phục vụ cho công tác quản lý điều hành của Công ty. Thành lập mới bộ phận kiểm soát nội bộ để nâng cao quản trị trong hệ thống.

Đối với công tác tuyển dụng đào tạo: Đã tuyển dụng được nhân sự có trình độ và năng lực vào các bộ phận quan trọng của Công ty. Tuyển dụng và sắp xếp nhân sự cho khách sạn Sao Phương Bắc. Tiếp tục tổ chức nhiều khoá đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho CBCNV Công ty tham gia.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Các chỉ tiêu chủ yếu

ĐVT: Tỷ đồng

STT	CHỈ TIÊU	TH 2010	KH 2011	%KH/TH
1	Doanh thu	227.68	109.80	48%
2	Chi phí	270.17	108.90	
3	Lợi nhuận trước thuế TNDN	(42.49)	0.90	
4	Lợi nhuận sau thuế TNDN	(42.51)	0.68	

Triển khai thành công phương án tái cấu trúc hoạt động PVFI để nâng cao chất lượng tài sản, nguồn vốn và hiệu quả hoạt động.

- Tái cấu trúc danh mục đầu tư, xử lý triệt để các tài sản không sinh lời hoặc lợi nhuận không đạt kỳ vọng.
- Tái cấu trúc bộ máy hoạt động hiệu quả: chuyển, đổi tên, giải thể một số Phòng/Ban/Đơn vị của PVFI theo hướng tinh giản, gọn nhẹ.
- Xử lý dứt điểm các tồn tại của năm 2010.
- Xây dựng định hướng phát triển công ty là đơn vị duy nhất thực hiện các chính sách an sinh xã hội cho Tập đoàn và PVFC, trong đó nhiệm vụ trọng tâm năm 2011 là xây dựng quỹ nhà ở cho cán bộ nhân viên; nâng cao tỷ trọng doanh thu từ mảng dịch vụ tài chính.

- Thực hiện đánh giá chất lượng nhân sự hiện tại, cắt giảm nhân sự không đáp ứng được yêu cầu công việc, cải cách tiền lương và chế độ chính sách: gắn liền thu nhập của CBCNV với hoạt động của công ty. Thực hiện đào tạo nâng cao chuyên môn, nghiệp vụ cho tất cả các mảng hoạt động của công ty.

IV. Báo cáo tài chính

(Báo cáo tài chính đã kiểm toán gửi kèm)

V. Báo cáo của kiểm toán và Ban kiểm soát

1. Kiểm toán độc lập

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**

Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), từ trang 4 đến trang 21. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Ngoại trừ các vấn đề trình bày dưới đây, chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán

được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 (ii) phần Thuyết minh Báo cáo Tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 Công ty ghi nhận khoản hợp tác đầu tư chứng khoán niêm yết với Công ty Cổ phần Chứng khoán Phố Wall với số tiền gốc và lãi trong hạn phải thu lần lượt là 74.592.683.753 đồng và 12.197.520.000 đồng. Khoản hợp tác đầu tư này đã quá hạn từ tháng 3 năm 2010. Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá đầu tư toàn bộ giá trị khoản lãi phải thu tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Tuy nhiên, Công ty chưa thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với số dư nợ gốc đã quá hạn đối với khoản hợp tác đầu tư này. Do chúng tôi không thu thập được các bằng chứng tin cậy để xác định giá trị dự phòng cần trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như những ảnh hưởng đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty.

Như trình bày tại Thuyết minh số 6 (iii) phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, số dư Công ty ủy thác quản lý vốn cho Công ty Cổ phần Chứng khoán SME và Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam với số tiền lần lượt là 105.946.727.158 đồng và 50.000.000.000 đồng với thời gian hết hạn cuối cùng của các hợp đồng này là 17 tháng 2 năm 2011. Tại ngày báo cáo này, Công ty vẫn chưa thu hồi được toàn bộ số tiền ủy thác trên và không trích lập dự phòng đối với các khoản ủy thác này. Do chúng tôi không thu thập được các bằng chứng tin cậy để xác định giá trị dự phòng cần được ghi nhận (nếu có) áp dụng đối với các khoản đầu tư nêu trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về giá trị dự phòng cần trích lập tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như những ảnh hưởng có thể có đến các khoản mục khác trên báo cáo tài chính của Công ty.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng do các vấn đề nêu trên, các báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác có liên quan tại Việt Nam.

Trương Anh Hùng

Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số
Đ.0029/KTV

Trần Duy Cường

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0797/KTV

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH DELOITTE
VIỆT NAM**

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

VI. Các công ty có liên quan

1. Công ty nắm giữ trên 50% vốn cổ phần/vốn góp của Công ty PVFI:

Không có

2. Công ty có trên 50% vốn cổ phần/vốn góp do Công ty PVFI nắm giữ:

Không có

3. Tình hình góp vốn của Công ty PVFI tính đến 31/12/2010:

Công ty PVFI đã góp vốn vào các tổ chức kinh tế; tổng số vốn mà Công ty PVFI cam kết góp vốn là 61,2 tỷ đồng; tổng số tiền thực tế Công ty PVFI góp trong năm 2010 là: 4,8 tỷ đồng.

Danh sách các Tổ chức kinh tế mà Công ty PVFI góp vốn:

STT	Tên Tổ chức kinh tế	Vốn điều lệ/ Tổng MĐT (tỷ đồng)	Số vốn Công ty PVFI cam kết góp		Số vốn Công ty PVFI đã góp trong năm 2010	
			Tỷ lệ (%)	Số tiền (tỷ đồng)	Tỷ lệ (%)	Số tiền (tỷ đồng)
1	Quỹ Tâm nhìn SSI	1498	2,67	40		
2	Công ty CP Giáo dục Quốc tế Trí Việt	40	16	6,4		
3	Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu	100	10	10		
4	CTCP LICOGI 13 – Nền móng xây dựng	60	7,3	4,8	7,3	4,8
	Tổng cộng	1698		61.2		4,8

4. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các Công ty liên quan:

4.1. Quỹ Tâm nhìn SSI:

Quỹ SSIVF là một quỹ thành viên dạng đóng có mục tiêu đầu tư là tăng trưởng tối đa giá trị tài sản ròng thông qua việc đầu tư từ trung hạn đến dài hạn vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Chiến lược đầu tư của Quỹ SSIVF là đầu tư vào những ngành mà Việt Nam có lợi thế cạnh tranh tại thị trường nước ngoài hoặc thị trường trong nước có tốc độ tăng trưởng cao bao gồm, nhưng không hạn chế vào hạ tầng, dịch vụ, hàng tiêu dùng.

Tình hình hoạt động :

	30/12/2010
NAV	1.552.895.149.013
Số lượng chứng chỉ	170.000.000
Giá trị 1 chứng chỉ Quỹ	9134,677347

Bộ máy quản lý điều hành vẫn ổn định, không có thay đổi gì lớn có thể gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của quỹ.

4.2. Công ty CP Giáo dục Quốc tế Trí Việt:

Với đặc thù là Công ty hoạt động trong lĩnh vực giáo dục đào tạo. Thời gian triển khai xây dựng được chia làm 02 giai đoạn, trong năm 2010 Công ty hoàn thiện một phần lớp học và đón học sinh tiểu học, đồng thời hoàn thiện nốt phần còn lại của dự án để tuyển học sinh cấp II và cấp III.

Tình hình hoạt động:

Chỉ tiêu	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.328.324.124
Doanh thu hoạt động tài chính	75.676.595
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-5.231.154.551
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-5.231.154.551
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-5.231.154.551

4.3. Công ty CP Năng lượng Dầu khí Toàn Cầu:

Hiện nay Công ty đang tiếp tục triển khai xây dựng dự án Thủy điện Nậm Pàn 5 trên địa bàn tỉnh Sơn La, hoàn thành một số phần việc khảo sát thiết kế, giải phóng mặt bằng, bắt đầu triển khai thi công một số hạng mục công trình.

- Công tác khảo sát – thiết kế: Hoàn thành công tác khảo sát phục vụ thiết kế kỹ thuật, báo cáo về việc lựa chọn vị trí nhà máy thuộc TKKT giai đoạn 1 và xử lý mất nước lòng hồ; đang triển khai công tác thiết kế quy hoạch Tổng mặt bằng giai đoạn 1; Hoàn thành phê duyệt đề cương, dự toán và ký kết hợp đồng tư vấn thẩm tra thiết kế công tác kỹ thuật và tổng dự toán với Công ty TNHH Tư vấn xây dựng Hòa Bình.
- Công tác GPMB và rà phá bom mìn: Hiện nay các nhà thầu đã hoàn thành rà phá bom mìn; đo đạc bản đồ địa chính, cắm mốc GPMB. Tuy nhiên công tác đền bù còn gặp rất nhiều khó khăn.
- Công tác triển khai thi công: Đã hoàn thành lựa chọn và ký kết hợp đồng thi công tuyến đường vào khu nhà máy, đường vào khu đầu mối.

Kết quả hoạt động kinh doanh 2010

Một số chỉ tiêu	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-
Doanh thu hoạt động tài chính	274.943.019
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	26.165.624
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.165.624
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	19.624.218
EPS	5
ROE	0,05%
ROA	0,02%
Cổ tức	-

4.4. CTCP LICOGI 13 – Nền móng xây dựng:

Các lĩnh vực hoạt động chính: thi công xây dựng nền móng, phần ngầm các công trình giao thông, thủy lợi, dân dụng.. cọc ép, cọc đóng, cọc khoan nhồi, cọc bartte, tường trong đất.. Sản xuất bê tông thương phẩm, các loại cọc bê tông cốt thép. Sản xuất máy móc, thiết bị sử dụng trong thi công nền móng và công trình ngầm. Và một số hoạt động khác: tư vấn, thí nghiệm, khảo sát địa vật lý, cho thuê thiết bị, cung cấp vật tư kỹ thuật...

Một số dự án tiêu biểu đang thi công:

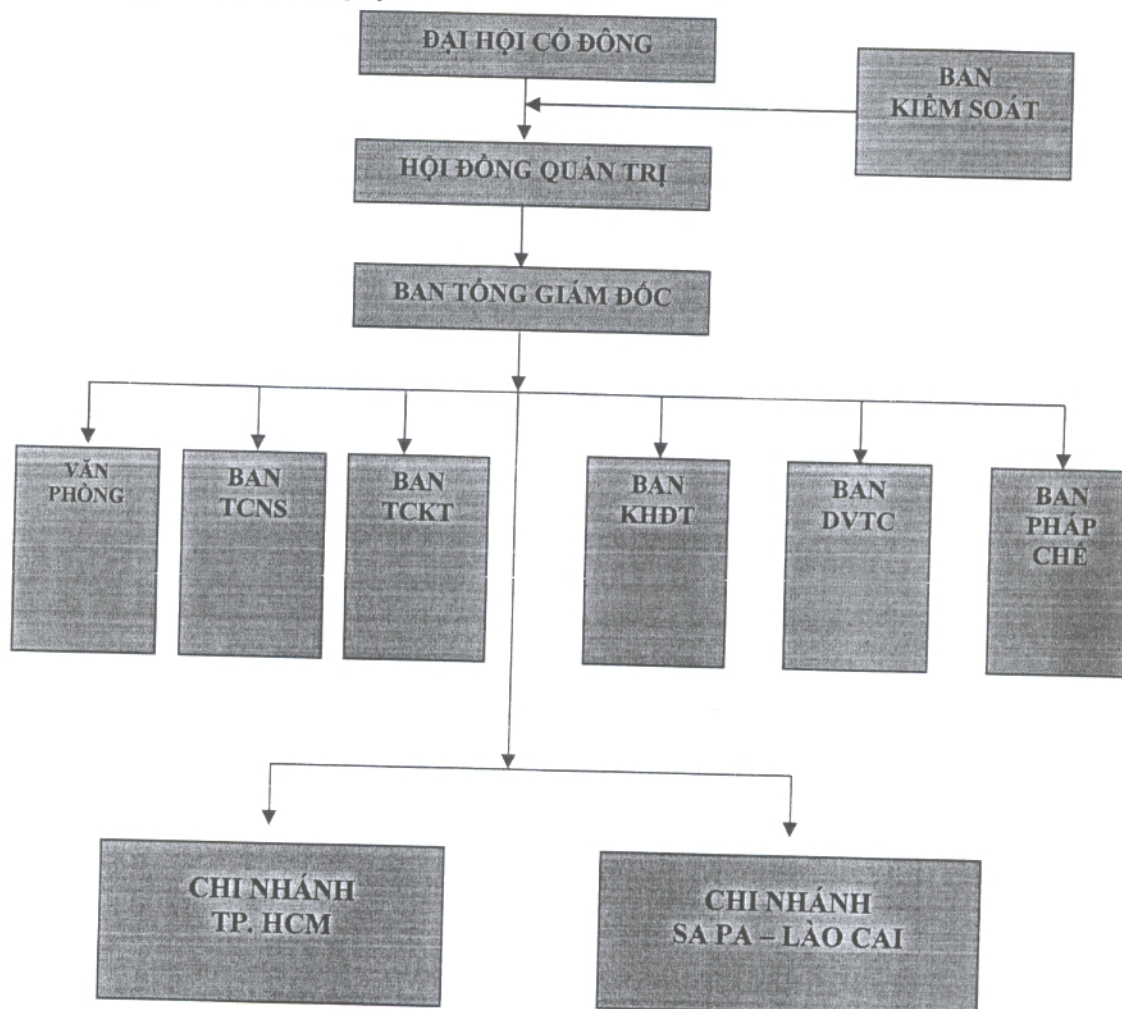
- Khoan cọc nhồi: dự án Diamond flower tower, khu đô thị cổ Nhuế, khu đô thị Dương Nội...
- Đóng cọc: Đô Thị mới Bắc An Khánh, nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Ethanol phí Bắc, dự án tường chắn cầu cao tốc đường Láng-Hòa Lạc,...
- Cọc Barrete, Tường vây: dự án Tòa tháp doanh nhân, dự án tổ hợp nhà ở và văn phòng cho thuê 1152 đường Láng.
- Ép cọc: dự án Khu đô thị Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội
- Đúc cọc: cung cấp & ép cọc dự án Khu đô thị Dương Nội- Hà Đông- Hà Nội, Khu đô thị mới Bắc An Khánh, dự án Trường CĐXD số 1, Dự án tường chắn cầu cao tốc đường Láng- Hòa Lạc
- Thi công móng: tầng hầm nhà ở cho CBCNV viện bóng Lê Hữu Trác- HV Quân Y.

Kết quả hoạt động kinh doanh:

Chỉ Tiêu	2010
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	203.166.336.792
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.875.664.477
Doanh thu hoạt động tài chính	85.876.640
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	11.327.748.538
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.591.339.568
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.656.484.369
EPS	2.270
ROE	15,5%
ROA	3,8%
Cổ tức	15,5%

VII. Tổ chức và nhân sự

1. Cơ cấu tổ chức công ty:



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban Tổng giám đốc:

2.1 Tổng Giám đốc: (giữ chức vụ ngày 25/01/2011)

Họ và tên: VŨ QUANG HẢI	Giới tính: Nam
Ngày sinh: 24/3/1986	Nơi sinh: Hải phòng
Dân tộc: Kinh	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh	
Chỗ ở hiện tại: 153 Triệu Việt Vương, Bưởi Thị Xuân, HBT Hà Nội	

2.2. Tổng Giám đốc: (thôi giữ chức vụ từ ngày 25/1/2011)

Họ và tên: CHU XUÂN LAI	Giới tính: Nam
Ngày sinh: 02/09/1967	Nơi sinh: Tiền Hải, Thái Bình
Dân tộc: Kinh	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế	
Chỗ ở hiện tại: Số 4, ngõ 186, phố Ngọc Hà, P. Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội	

2.3 Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên: LÊ XUÂN TÂN	Giới tính: Nam
Ngày sinh: 07/1/1979	Nơi sinh: Thái Nguyên
Dân tộc: Kinh	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế-Kế toán	
Chỗ ở hiện tại: P914, Nhà CT5X2, Bắc Linh Đàm, Hoàng Mai, Hà Nội	

2.4 Phó Tổng Giám đốc:

Họ và tên: NGUYỄN MINH TUỆ	Giới tính: Nam
Ngày sinh: 08/02/1975	Nơi sinh: Hà Nội
Dân tộc: Kinh	Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Quản trị Kinh doanh	
Chỗ ở hiện tại: 124, Minh Khai, quận Hai Bà Trưng	

3. Thay đổi Tổng Giám đốc điều hành trong năm:

Trong năm 2010, không có thay đổi Tổng Giám đốc điều hành.

4. Quyền lợi của Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc được hưởng tiền lương và tiền thưởng theo kết quả và hiệu quả kinh doanh của Công ty. Tiền lương, thưởng của Ban Tổng giám đốc Công ty

được thực hiện theo Quyết định số: 74/QĐ-PVFI ngày 21/7/2010 của Hội đồng quản trị về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng Công ty CP Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt nam. Các quyền lợi khác của Ban Tổng giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.

5. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.1 Số lượng CBCNV:

STT	Nội dung	Số lượng
1	Tổng số CBCNV	141
	+ Nam	64
	+ Nữ	77
2	Theo cấp quản lý	
	+ Cán bộ quản lý	21
	+ CBCNV	120
3	Trình độ chuyên môn	
	+ Trên đại học	7
	+ Đại học	83
	+ CĐ/TC	23
	+ Phổ thông	28

5.2 Chính sách đối với người lao động:

Thực hiện đúng các chính sách đối với người lao động theo quy định của pháp luật lao động. Ngoài ra, Công ty còn có các chính sách đối với cán bộ công nhân viên (CBCNV) cụ thể:

- Chính sách đào tạo: Đào tạo và phát triển CBNV là một trong những công tác ưu tiên của Công ty PVFI. Chính sách đào tạo CBNV nhằm mục đích xây dựng và phát triển đội ngũ CBNV thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, chuẩn mực trong đạo đức kinh doanh, chuyên nghiệp trong phong cách làm việc và nhiệt tình phục vụ khách hàng. CBNV Công ty PVFI được tham dự các khoá đào tạo chuyên môn nghiệp vụ ngắn hạn, thường xuyên, liên tục để phục vụ yêu cầu công việc và được Công ty tài trợ chi phí.
- Chính sách khen thưởng: Chế độ khen thưởng của Công ty PVFI được gắn liền với kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty có các chế độ khen thưởng như: hoàn thành công việc, cá nhân và đơn vị xuất sắc của năm, ...

- Chế độ phụ cấp, bảo hiểm xã hội: Các cá nhân làm việc và kiêm nhiệm nhiều công việc được hưởng chế độ phụ cấp tiền lương, phụ cấp tiền điện thoại...vv.

CBCNV Công ty được hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp phù hợp với luật Lao động và luật Bảo hiểm xã hội. Ngoài ra Công ty còn tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được khám bệnh bảo hiểm y tế tại các Bệnh viện lớn và có uy tín.

- Phúc lợi: Ngoài các chế độ phúc lợi theo quy định của Nhà nước, Công ty PVFI còn có quy định về thưởng cho CBCNV vào các dịp như Tết Nguyên đán, Ngày Thành lập Ngành Dầu khí (3/9), Ngày Thành lập Công ty (19/4), ngày sinh của CBCNV Công ty, Quốc tế thiếu nhi 1/6 (đối với con CBCNV), Tết Trung thu, hỗ trợ tiền ăn ca, mua Bảo hiểm con người, khám sức khoẻ định kỳ, hỗ trợ tiền may trang phục làm việc, trợ cấp ốm đau, thai sản, cho vay ưu đãi với nhân viên, chế độ nghỉ mát...

6. Thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng đến 31/12/2010

- 6.1. Thay đổi thành viên HĐQT: Căn cứ Nghị quyết số: 70/NQ-PVFI ngày 13/7/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam về việc rút khỏi thành viên HĐQT đối với Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT Công ty PVFI

Căn cứ Nghị quyết số: 89/NQ-PVFI ngày 23/8/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty PVFI về việc thay đổi thành viên HĐQT và bầu bổ sung thành viên HĐQT Công ty PVFI, trong đó bầu bổ sung Ông Vũ Xuân Tiên, Ông Vũ Quang Hải làm Ủy viên HĐQT, thông qua việc rút khỏi thành viên HĐQT đối với Ông Kiều Hưng.

Ngày 25/8/2010 Hội đồng Quản trị Công ty PVFI đã có Nghị quyết số: 94/QĐ-PVFI bầu Ông Vũ Xuân Tiên làm Chủ tịch HĐQT Công ty PVFI.

- 6.2. Thay đổi thành viên Ban Kiểm soát: Căn cứ Nghị quyết số 61/NQ-PVFI ngày 22/6/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty PVFI thông qua việc rút khỏi thành viên Ban Kiểm soát PVFI đối với Ông Trần Hoài Nam và bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Hương làm thành viên Ban Kiểm soát PVFI

Nghị quyết số: 77/NQ-PVFI ngày 22/07/2010 của Đại hội đồng cổ đông Công ty PVFI về việc bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát Công ty PVFI đã thông qua việc rút khỏi thành viên Ban Kiểm soát Công ty PVFI kể từ ngày 13/7/2010 đối với Bà Lương Thị

Thúy Hòa - Trưởng Ban Kiểm soát. Bầu bổ sung Bà Nguyễn Ngọc Kiều Dung làm thành viên Ban kiểm soát Công ty.

Ngày 25/8/2010 Đại hội đồng cổ đông Công ty PVFI đã ban hành Nghị quyết số 90/NQ-PVFI về việc thông qua rút khỏi thành viên Ban Kiểm soát Công ty PVFI đối với Bà Nguyễn ngọc Kiều Dung và có Nghị quyết số: 98/NQ-PVFI bầu bổ sung Ông Vi Văn Đại làm thành viên Ban Kiểm soát Công ty PVFI

6.3. Thay đổi Ban Tổng Giám đốc: Năm 2010 Công ty có làm thủ tục thay đổi nhân sự Ban Tổng Giám đốc, trong đó Ông Kiều Hưng, Phó Tổng giám đốc chuyển công tác, bầu bổ sung Ông Lê Xuân Tân, Kế toán trưởng làm Phó Tổng giám đốc từ ngày 26/8/2010 và Bà Nguyễn Ngọc Kiều Dung, Trưởng Ban Kiểm soát làm Kế toán trưởng kể từ ngày 26/8/2010.

VIII. Thông tin cổ đông/thành viên góp vốn và Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

1.1 Thành viên HĐQT :

HĐQT gồm các thành viên:

1. Ông Đàm Minh Đức - Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách (bổ nhiệm ngày 01/3/2011)
2. Ông Vũ Xuân Tiên - Chủ tịch HĐQT – Chuyên trách (bổ nhiệm ngày 23/8/2010, thôi giữ chức vụ từ ngày 28/2/2011)
3. Ông Nguyễn Ngọc Minh - Chủ tịch HĐQT - Chuyên trách (thôi giữ chức vụ từ ngày 13/7/2010)
4. Ông Chu Xuân Lai - Ủy viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 28/01/2011)
5. Ông Kiều Hưng - Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc (thôi giữ chức vụ từ ngày 25/8/2010)
6. Ông Vũ Quang Hải - Ủy viên HĐQT (giữ chức vụ ngày 16/8/2010)
7. Ông Hà Duy Dĩnh - Ủy viên HĐQT - Không chuyên trách
8. Ông Tạ Bá Long - Ủy viên HĐQT - Không chuyên trách

1.2 Thành viên Ban Kiểm soát: gồm 03 thành viên

1. Ông Vi Văn Đại - Trưởng Ban kiểm soát - Chuyên trách (giữ chức vụ từ 27/8/2010)
2. Bà Nguyễn Ngọc Kiều Dung - Trưởng Ban Kiểm soát – Chuyên trách (giữ chức vụ ngày 23/7/2010, thôi giữ chức vụ từ ngày 27/8/2010)
3. Bà Lương Thúy Hòa - Trưởng Ban Kiểm soát - Chuyên trách (thôi giữ chức vụ từ 23/7/2010)
4. Bà Nguyễn Thu Hương - Ủy viên Ban Kiểm soát – Không chuyên trách (giữ chức vụ từ tháng 6/2010)
5. Ông Trần Hoài Nam - Ủy viên Ban Kiểm soát – Không chuyên trách (thôi giữ chức vụ từ tháng 6/2010)
6. Bà Hoàng Thị Việt Hà - Ủy viên Ban Kiểm soát – Không chuyên trách

1.3 Hoạt động của HĐQT:

Ngày 06/7/2011, HĐQT Công ty đã tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2011. Để triển khai thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2010 và thực hiện các chức năng, nhiệm vụ đại diện chủ sở hữu quản lý Công ty mà ĐHĐCĐ giao phó, trong năm 2010, HĐQT Công ty PVFI đã tổ chức các phiên họp thường kỳ, đột xuất và thực hiện lấy ý kiến các thành viên bằng văn bản trong trường hợp cấp thiết để nhanh chóng ra nghị quyết giải quyết các vấn đề quan trọng của Công ty. Đồng thời, HĐQT thực hiện tốt chức năng quản lý toàn diện các lĩnh vực hoạt động của Công ty.

1.4 Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Trong năm 2010, Ban Kiểm soát đã xem xét, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị Ban Tổng giám đốc và các hoạt động liên quan đến việc thực hiện các kế hoạch tài chính và kế hoạch hoạt động của năm 2010 đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 thông qua; xem xét, đánh giá các quy trình trọng yếu của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro tiềm tàng hoặc những thiếu sót, từ đó đề xuất những kiến nghị và giải pháp phù hợp cho Ban lãnh đạo; kiểm tra, giám sát các báo cáo tài chính hàng quý nhằm đánh giá tính hợp lý của các số liệu tài chính.

1.5 Tiền lương, Thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho thành viên HĐQT và thành viên Ban Kiểm soát:

- a. Tiền lương của Chủ tịch Hội đồng Quản trị:
- Lương cơ bản: Theo Nghị định số 205/2004/NĐ-CP ngày 05/01/2005 của Chính phủ. Hệ số: 6,31 (Hệ số áp dụng đối với bậc 1/2 ngạch Chủ tịch HĐQT)
 - Lương chức danh: Áp dụng theo Quyết định số: 74/QĐ-PVFI ngày 12/07/2010 của Hội đồng Quản trị về việc ban hành Quy chế trả lương, trả thưởng của Công ty PVFI đối với ngạch Chủ tịch HĐQT.
- b. Tổng thù lao theo kế hoạch được duyệt của các thành viên không chuyên trách Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát năm 2010 là: 288 triệu đồng
- Các khoản thưởng của HĐQT và Ban Kiểm soát phụ thuộc vào hiệu quả và kết quả kinh doanh cuối năm của Công ty.

1.6 Tỷ lệ sở hữu cổ phần và những thay đổi trong tỷ lệ nắm giữ cổ phần của thành viên HĐQT (tại thời điểm 31/12/2010)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	SL chứng khoán nắm giữ		Tỷ lệ sở hữu (%)
			SL CK đại diện	SL CK sở hữu	
1	Chu Xuân Lai	TGD	14.100.000	0	0
2	Vũ Xuân Tiên	CT HĐQT	4.500.000	0	0
3	Vũ Quang Hải	UV HĐQT	2.400.000	0	0
4	Hà Văn Đình	UV HĐQT	200.000	0	0
5	Tạ Bá Long	UV HĐQT	3.300.000	0	0

2. Các dữ liệu thống kê về cổ đông Công ty (tại thời điểm ngày 31/ 12/2010)

2.1. Cổ đông trong nước:

2.1.1 Cơ cấu cổ đông:

STT	Danh mục	Số lượng CK sở hữu	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Tổng số vốn của chủ sở hữu	30.000.000	300.000.000.000	100,00
II	Cổ đông trong nước	29.994.000	299.940.000.000	99,98
1	Cổ đông là tổ chức	18.826.900	188.269.000.000	62,76
2	Cổ đông là cá nhân	11.167.100	111.671.000.000	37,22
III	Cổ đông nước ngoài	6.000	60.000.000	0,02

2.1.2 Thông tin về các cổ đông lớn trong Công ty:

a. Tên cổ đông: Tập đoàn Dầu khí Việt Nam

- Địa chỉ: 18 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

- Số lượng cổ phần sở hữu: 10.500.000 cổ phần, chiếm : 35% vốn điều lệ

- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

b. Tên cổ đông: Ngân hàng TMCP Dầu khí toàn cầu

- Địa chỉ: Số 14 Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số lượng cổ phần sở hữu: 3.300.000 cổ phần, chiếm 11 % vốn điều lệ

- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

c. Tên cổ đông: Công ty CP Chứng khoán SME

- Địa chỉ: 39A Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số lượng cổ phần sở hữu: 2.879.000 cổ phần, chiếm 9,6 % vốn điều lệ

- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

d. Tên cổ đông: Công ty CP Chứng khoán Dầu khí

- Địa chỉ: 18 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

- Số lượng cổ phần sở hữu: 1.459.500 cổ phần, chiếm 4,87 % vốn điều lệ

- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

2.2. Cổ đông nước ngoài:

a. Tên cổ đông: Yoo Myeong Sik

- Địa chỉ: Cty TNHH Temsco - 159 Điện Biên Phủ, P.15, Q. Bình Thạnh, HCM

- Số lượng cổ phần sở hữu: 6.000 cổ phần, chiếm 0,02% vốn điều lệ

- Biến động về tỷ lệ sở hữu cổ phần: 0

**CÔNG TY CP ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH
CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Vũ Quang Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH CÔNG ĐOÀN DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 4A, đường Hà, quận Hà Đông,
Hà Nội, CHHOCN Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Cho năm 31 tháng 12 năm 2010

MAU SỐ B 01-DN

2008/2009

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010		31/12/2009	
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.926.104.063.435		1.387.535.109.268	
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	38.241.475.572		69.405.025.601	
1. Tiền	111		38.241.475.572		69.405.025.601	
2. Các khoản tương đương tiền	112		-		58.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.418.958.432.172		1.254.911.513.588	
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.432.981.069.611		1.110.492.212.603	
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(14.023.237.472)		(55.580.699.015)	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		423.084.886.946		59.506.734.432	
1. Phải thu của khách hàng	131	7	84.063.043.156		47.138.844.633	
2. Trả trước cho người bán	132	8	165.209.416.921		1.503.912.007	
3. Các khoản phải thu khác	135	9	233.812.426.869		(0.803.973.883)	
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-		-	
IV. Hàng tồn kho	140	10	24.796.109.370		15.348.182	
1. Hàng tồn kho	141		24.796.109.370		15.348.182	
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		11.023.159.375		3.698.687.465	
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.623.489.525		1.422.377.963	
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.348.955.934		686.399.166	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	154		5.624.255.804		10.916.362	
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		422.458.112		1.578.684.280	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		302.745.126.151		328.709.122.131	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		1.766.096.790		577.164.544	
1. Phải thu dài hạn khác	218		1.766.096.790		577.164.544	
II. Tài sản cố định	220		49.465.019.382		25.815.697.874	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	37.014.890.407		40.740.549.988	
- Nguyên giá	222		40.473.332.193		2.807.352.340	
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.458.731.786)		(1.647.001.352)	
2. Tài sản cố định vô hình	227	12	12.005.303.981		12.019.376.848	
- Nguyên giá	228		12.652.973.511		12.281.404.117	
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(647.671.530)		(262.027.269)	
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		444.914.994		9.553.771.028	
III. Bất động sản đầu tư	240	13	2.165.962.500		2.250.000.000	
- Nguyên giá	241		2.250.000.000		2.250.000.000	
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(88.037.500)		-	
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		244.724.662.667		299.597.250.704	
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-		18.800.000.000	
2. Đầu tư dài hạn khác	258	14	264.085.662.667		382.057.250.704	
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	14	(19.364.000.000)		(2.160.000.000)	
V. Tài sản dài hạn khác	260		4.623.384.812		469.009.009	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		4.623.384.812		445.505.950	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		23.503.059	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.228.849.189.586		1.716.244.231.399	

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Chiết khấu
(Đơn vị tính: VND)

MÃ SỐ B.01-DN
Kế toán số 3/2010

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	
			31/12/2010	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.967.928.219,058	1.397.811.788,775
I. Nợ ngắn hạn	310		1.967.859.208,074	997.736.545,816
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	400.000.000,000	-
2. Phải trả người bán	312	16	172.828.303,539	100.468.628,421
3. Người mua trả tiền trước	313		-	175,619
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		613.265,408	185.317,328
5. Phải trả người lao động	315		2.519.207,202	2.048.459,382
6. Chi phí phải trả	316		58.566,779	117.594,612
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	319	17	1.391.230.571,012	891.727.236,408
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	325		609.294,156	1.837,026,186
II. Nợ dài hạn	330		69.010,984	400.081.442,959
1. Vay và nợ dài hạn	334		-	400.000.000,000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		69.010,984	81.442,959
B. NGUỒN VỐN	400		260.920.970,528	318.432.442,624
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	260.920.970,528	318.432.442,624
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000,000	500.000.000,000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		2.051.994,155	2.051.994,155
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.028.997,077	1.028.997,077
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(42.157,020,704)	15.354,451,342
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.228.849.189,586	1.716.244.231,399


Đoàn Thanh Nhân
Người lập


Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kế toán trưởng


Vũ Quang Hải
Tổng Giám đốc


Ngày 6 tháng 4 năm 2011


Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010

MAU SỐ B 02-DN
 Ban hành kèm theo Thông tư 15/2008/TT-BTC

CHI TIẾT	Mã số	Thuyết minh	Số tiền (đồng)	
			Năm 2010	Năm 2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	09	21.254.091.534	10.898.421.646
2. Các khoản giảm trừ	02			
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		21.254.091.534	10.898.421.646
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		8.942.365.832	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		13.191.725.732	10.898.421.646
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	206.325.415.373	237.208.722.831
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	21	224.350.656.488	207.981.762.075
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		124.336.594.344	113.918.940.730
8. Chi phí bán hàng	24		186.868.500	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	22	37.546.248.576	23.847.413.401
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		62.566.632.459	16.278.967.843
11. Thu nhập khác	31		119.482.732	761.113.156
12. Chi phí khác	32		40.819.310	2.114.798
13. Lợi nhuận khác	40		78.663.422	260.998.358
14. Tổng lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	50		(42.487.969.037)	16.539.966.201
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			981.338.347
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		23.503.059	2.936.547
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(42.511.472.096)	15.555.691.307
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	23	(1.317.051)	318,32


 Đoàn Thanh Nhân
 Người lập


 Nguyễn Ngọc Kiều Dung
 Kế toán trưởng


 Vũ Quang Hải
 Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc năm 2011

MÃ SỐ B-03-DN

1/2011

CHI TIẾT	Mã số	2010	2009
DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(42.487.969,037)	16.529.966,201
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.379.259,029	1.026.429,378
Các khoản chi hoãn	03	(29.666.693,218)	39.028.898,800
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(184.611.252,405)	(194.242.009,530)
Chi phí lãi vay	06	129.356.594,500	113.018.500,700
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(119.749.461,650)	(34.610,973,241)
(Tăng) các khoản phải thu	09	(290.115.841,675)	(9.408.822,007)
(Tăng) hàng tồn kho	10	(24.780.761,188)	(15.045.821)
Tăng các khoản phải trả	11	298.691.759,189	96.960.878,992
(Tăng) chi phí trả trước	12	(4.382.590,724)	(1.378.912,917)
Tiền lãi vay đã trả	13	142.100.508,775	113.018.940,700
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	-	(2.181.000,000)
Lưu chuyển thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.763.612,677	158.278,363,075
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(25.377.079,385)	(21.027.361,000)
2. Tiền thu từ thanh lý nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	116.759,078	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của các đơn vị khác	23	(5.089.109,961,924)	5.017.261.159,404
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	4.966.620,504,883	4.520.186.007,747
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(108.110.100,000)	(51.440.000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	89.374.854,704	(89.250.674,696)
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	179.159.859,938	172.604.045,067
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(17.925,162,706)	(209.980,693,830)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền nhận vốn góp của cổ đông	31	-	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	32	-	187.852.532,708
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(187.852.532,708)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho cổ đông	36	(15.000.000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(15.000.000,000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(31.161.550,029)	(51.602,330,755)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.403.025,601	121.005,356,356
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	38.241,475,572	69.403.025,601

Đoàn Thanh Nhân
Người lập

Nguyễn Ngọc Kiều Dung
Kế toán trưởng

Yêu Quốc Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 6 tháng 4 năm 2011

Các thuyết minh từ trang 8 đến trang 21 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính